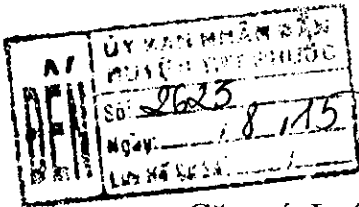


Số: 20 /2015/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 06 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 27 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 62/2013/TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1680/TTr-STC-HCSN ngày 08/6/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương;

Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT; Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT TU, HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở Tư pháp; Báo ĐĐ, Đài PTTH ĐĐ;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- PVPNN
- Lưu: VT, K10, K17

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
DÂN PHỐ CHỦ TỊCH



Trần Thị Thu Hà

QUY ĐỊNH
MỨC HỖ TRỢ KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC, LIÊN KẾT
SẢN XUẤT GẮN VỚI TIÊU THỤ NÔNG SẢN, XÂY DỰNG CÁN
ĐỒNG LỚN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 20 /2015/QĐ-UBND ngày 06/ 8/2015 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này điều chỉnh mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định thuộc các dự án cánh đồng lớn theo quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các doanh nghiệp trong nước; hộ gia đình, cá nhân, trang trại (sau đây gọi chung là nông dân); hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là các tổ chức đại diện của nông dân) thực hiện các dự án cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh, đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 4; Khoản 2, Điều 5; Khoản 2, Điều 6 Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến hoạt động hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Ngân sách thực hiện hỗ trợ sau đầu tư.
2. Chỉ hỗ trợ đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
3. Lồng ghép các nguồn vốn từ các cơ chế, chính sách có liên quan của Trung ương, của tỉnh để thực hiện các nội dung hỗ trợ.
4. Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.
5. Không được hỗ trợ trùng lặp trên cùng đối tượng, diện tích, nội dung được quy định hưởng một lần đối với chính sách có liên quan.

Điều 4. Điều kiện hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 4; Khoản 2, Điều 5 và Khoản 2 Điều 6 Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 5. Hỗ trợ đối với doanh nghiệp

1. Hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện quy hoạch, cải tạo đồng ruộng, hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, hệ thống điện phục vụ sản xuất nông nghiệp trong dự án cánh đồng lớn:

Khi xây dựng Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn, doanh nghiệp phải lập phương án đề nghị hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện quy hoạch, cải tạo đồng ruộng, hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, hệ thống điện phục vụ sản xuất nông nghiệp gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt để có cơ sở hỗ trợ kinh phí.

Mức hỗ trợ: Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ trong từng trường hợp cụ thể.

2. Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp để tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng:

Khi doanh nghiệp tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng thì được hỗ trợ 50% chi phí thực tế nhưng không quá 50% mức chi đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật tại Phụ lục đính kèm Quy định này.

Điều 6. Hỗ trợ đối với tổ chức đại diện của nông dân

1. Hỗ trợ chi phí về thuốc bảo vệ thực vật, công lao động, thuê máy để thực hiện dịch vụ bảo vệ thực vật chung cho các thành viên:

a) Năm thứ nhất hỗ trợ 600.000 đồng/ha/vụ (tương đương 30% chi phí thực tế).

b) Năm thứ hai hỗ trợ 400.000 đồng/ha/vụ (tương đương 20% chi phí thực tế).

Tổ chức đại diện của nông dân được hỗ trợ kinh phí mỗi năm 02 vụ (Đông Xuân và Hè Thu), tổng cộng hỗ trợ 04 vụ/02 năm.

2. Hỗ trợ 50% chi phí tập huấn một lần cho cán bộ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về quản lý, hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất:

a) Cơ quan chủ trì tổ chức tập huấn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Nlle

b) Căn cứ chế độ hội nghị tập huấn hiện hành và căn cứ nhu cầu đào tạo của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Kế hoạch tập huấn và xây dựng mức chi phí tập huấn/học viên trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để làm cơ sở hỗ trợ chi phí tập huấn (bao gồm chi phí về ăn, ở, mua tài liệu và học phí).

c) Mỗi cán bộ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ được hỗ trợ 01 lần tập huấn. Trong đó: ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% chi phí tập huấn/học viên theo Kế hoạch tập huấn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, phần 50% chi phí tập huấn/học viên còn lại (kể cả tiền tàu xe đi, về) do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đài thọ cho cán bộ của mình được cử đi dự tập huấn.

3. Hỗ trợ kinh phí tổ chức tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng; bao gồm chi phí về tài liệu, ăn, ở, đi lại, thuê hội trường, thù lao giảng viên, tham quan:

a) Đối với hỗ trợ kinh phí tổ chức tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân: Mức hỗ trợ là 100% chi phí thực tế tổ chức tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật nhưng không vượt quá mức chi đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật tại Phụ lục đính kèm Quy định này.

b) Đối với chi phí tổ chức tham quan: Tùy theo yêu cầu của khoá tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật có tổ chức tham quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong chương trình tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, tổ chức đại diện của nông dân được chi trả tiền thuê xe và các chi phí liên hệ để tổ chức tham quan cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng.

Điều 7. Hỗ trợ với nông dân

1. Hỗ trợ một lần chi phí mua giống cây trồng có phẩm cấp chất lượng từ giống xác nhận trở lên để gieo trồng vụ đầu tiên trong dự án cánh đồng lớn:

a) Định mức các loại giống cây trồng được hỗ trợ: Giống lúa thuần 120 kg/ha; giống lúa lai 45 kg/ha; giống ngô 20 kg/ha; giống lạc 200 kg/ha; định mức hỗ trợ các loại giống khác: giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cụ thể theo từng thời điểm.

b) Đơn giá hỗ trợ các loại giống cây trồng được tính theo giá ghi trên hóa đơn mua giống cùng thời điểm; trường hợp các doanh nghiệp cung ứng không đủ số lượng, chủng loại giống cây trồng, nông dân phải mua từ các hộ nông dân được phép sản xuất giống cây trồng chất lượng cao (nhưng không có hóa đơn) thì căn cứ đơn giá giống cây trồng cùng loại ghi trên hóa đơn cung ứng của các doanh nghiệp khác cùng thời điểm hoặc theo thông báo giá của Trung tâm Giống cây trồng Bình Định để xác định đơn giá hỗ trợ.

c) Mức hỗ trợ: Tùy thuộc vào dự án đã đăng ký tham gia, người nông dân được hỗ trợ một lần bằng 30% chi phí mua giống cây có phẩm cấp chất lượng từ giống xác nhận trở lên để gieo trồng vụ đầu tiên trong dự án cánh đồng lớn. Trường hợp sau khi tính tổng mức kinh phí hỗ trợ 30% chi phí mua giống có số lẻ dưới 1.000 đồng thì được tính tròn số là 1.000 đồng.

16.

2. Hỗ trợ kinh phí lưu kho tại doanh nghiệp:

Nông dân được hỗ trợ 100% kinh phí lưu kho tại doanh nghiệp trong trường hợp Chính phủ thực hiện chủ trương tạm trữ nông sản, thời hạn hỗ trợ tối đa là 03 tháng.

Chương III NGUỒN KINH PHÍ VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ

Điều 8. Nguồn kinh phí hỗ trợ

1. Ngân sách trung ương hỗ trợ các địa phương thông qua các chương trình, dự án trực tiếp và lồng ghép các chương trình, dự án có liên quan.

2. Ngân sách tỉnh.

3. Các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 9. Trình tự, thủ tục, phương thức hỗ trợ đối với doanh nghiệp và tổ chức đại diện của nông dân

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn của doanh nghiệp và tổ chức đại diện của nông dân được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Bảng nghiệm thu; bảng thanh lý hợp đồng và bảng quyết toán được duyệt của chủ đầu tư đối với khối lượng đầu tư cải tạo đồng ruộng, hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, hệ thống điện phục vụ sản xuất nông nghiệp;

c) Bản sao chứng từ; bảng kê có ký nhận (đối với khoản chi hỗ trợ trực tiếp cho cá nhân) đối với chi phí thực tế triển khai tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất theo hợp đồng;

d) Bảng tổng hợp chi phí;

đ) Công văn đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp, của tổ chức đại diện của nông dân.

2. Trình tự phê duyệt hỗ trợ:

a) Phòng Kinh tế hoặc Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch và các cơ quan liên quan căn cứ hồ sơ đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp, của tổ chức đại diện của nông dân; căn cứ điều kiện hỗ trợ và mức hỗ trợ theo Quy định này để kiểm tra, thẩm định và tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét có công văn đề nghị hỗ trợ gửi đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đồng gửi đến Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện lập báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ.

3. Phương thức cấp phát kinh phí hỗ trợ:

a) Căn cứ quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính thực hiện chuyển tiền hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân.

b) Kho bạc Nhà nước tỉnh phối hợp lập thủ tục chuyển tiền hỗ trợ và thông báo cho đơn vị thụ hưởng biết.

Điều 10. Trình tự, thủ tục, phương thức hỗ trợ đối với nông dân

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Chứng từ, hóa đơn mua giống cây trồng.

b) Bản sao hợp đồng thuê kho của doanh nghiệp để tạm trữ nông sản và Phiếu thu tiền thuê kho của doanh nghiệp.

c) Bản sao hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản ký giữa doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân với nông dân.

d) Đơn đề nghị hỗ trợ.

2. Trình tự phê duyệt hỗ trợ:

Trình tự hỗ trợ cho nông dân thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 Quy định này.

3. Phương thức cấp phát kinh phí hỗ trợ:

a) Căn cứ quyết định hỗ trợ cho nông dân của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính cấp bằng lệnh chi tiền vào tài khoản tiền gửi của Kho bạc Nhà nước cấp huyện để thực hiện việc chi hỗ trợ.

b) Kho bạc Nhà nước cấp huyện xây dựng lịch cấp tiền hỗ trợ thông báo công khai để nông dân biết và đến Kho bạc Nhà nước cấp huyện làm thủ tục nhận tiền hỗ trợ. Khi nhận tiền hỗ trợ, nông dân phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực để đối chiếu.

c) Kho bạc Nhà nước cấp huyện thực hiện chi trả đúng đối tượng có trong danh sách ban hành kèm theo Quyết định hỗ trợ nông dân của Ủy ban nhân dân tỉnh, trường hợp nhận tiền thay phải có giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật.

d) Kết thúc các đợt chi hỗ trợ nông dân, không quá 15 ngày, Kho bạc Nhà nước cấp huyện tổng hợp, báo cáo số kinh phí đã chi hỗ trợ (kèm theo danh sách) về Sở Tài chính để Sở Tài chính tổng hợp quyết toán.

đ) Trong trường hợp hết năm ngân sách, nông dân chưa nhận hết khoản tiền hỗ trợ, Kho bạc Nhà nước cấp huyện lập thủ tục hoàn trả lại ngân sách tỉnh đúng theo quy định.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Trách nhiệm của các ngành, các cấp

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Hướng dẫn xây dựng Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án cánh đồng lớn.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, các ngành, đơn vị có liên quan xem xét đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện lập báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ.

d) Tổ chức tập huấn cho cán bộ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về quản lý, hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất.

đ) Kiểm tra, giám sát, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý những vướng mắc, tồn tại trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch kinh phí hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các sở ngành, địa phương, doanh nghiệp sử dụng và thanh quyết toán kinh phí đúng quy định.

c) Tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ngân sách hỗ trợ hàng năm cho doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân và nông dân tham gia dự án cánh đồng lớn.

4. Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Định

Hướng dẫn Kho bạc Nhà nước các huyện, thị xã, thành phố kịp thời phối hợp chuyển tiền hỗ trợ, chi trả đúng đối tượng và báo cáo kinh phí thực hiện chi trả đúng thời gian quy định.

5. Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hội Nông dân tỉnh

Tham gia phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và địa phương thực hiện các hoạt động thông tin tuyên truyền, hướng dẫn tư vấn pháp luật và hỗ trợ nông dân hợp tác, liên kết sản xuất với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác, bảo vệ lợi ích của nông dân trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Xây dựng kế hoạch thực hiện dự án cánh đồng lớn trên địa bàn.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Xây dựng kế hoạch thực hiện dự án cánh đồng lớn trên địa bàn.

b) Căn cứ các dự án cánh đồng lớn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, xây dựng kế hoạch kinh phí cụ thể hàng năm gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn các doanh nghiệp, các tổ chức đại diện của nông dân tham gia thực hiện dự án cánh đồng lớn tại địa phương.

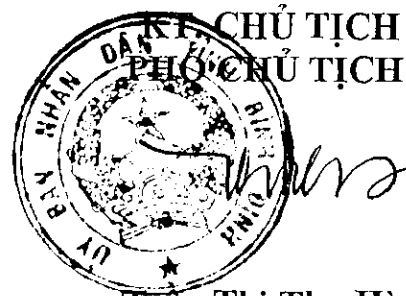
d) Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức đại diện nông dân xây dựng và triển khai thực hiện dự án cánh đồng lớn tại địa phương./.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và địa phương triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc; các đơn vị, địa phương phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và PTNT) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Trần Thị Thu Hà

PHỤ LỤC

Về mức chi đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản trong xây dựng cánh đồng lớn

(Ban hành kèm theo Quy định của Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 06/2/2015 của UBND tỉnh Bình Định về Quy định mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định)

TT	Nội dung chi	Mức chi
a	Hỗ trợ chi phí văn phòng phẩm, in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học.	Tối đa không quá 30.000 đồng/người.
b	Chi nước uống cho học viên.	Tối đa không quá 10.000 đồng/01 người/ngày.
c	Thuê hội trường	Tối đa không quá 1.000.000 đồng/ngày/lớp.
d	Thuê trang thiết bị phục vụ lớp học (nếu có).	Tối đa không quá 1.000.000 đồng/ngày/lớp.
đ	Mua vật tư thực hành (nếu có).	Tối đa không quá 1.000.000 đồng/khóa học/lớp.
e	Bồi dưỡng cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật.	300.000 đồng/buổi.
g	Hỗ trợ tiền ăn cho giảng viên, hướng dẫn viên.	100.000 đồng/người/ngày.
h	Hỗ trợ tiền thuê phòng ngủ cho giảng viên, hướng dẫn viên và học viên theo hóa đơn hợp pháp:	
	- Đối với tập huấn tổ chức tại thành phố Quy Nhơn.	Tối đa không quá 150.000 đồng/ngày/người.
	- Đối với tập huấn tổ chức tại cấp huyện.	Tối đa không quá 100.000 đồng/ngày/người.
i	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên:	
	- Đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại thành phố Quy Nhơn.	70.000 đồng/ngày thực học/người.

Ch

	- Đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại cấp huyện.	50.000 đồng/ngày thực học/người.
	- Đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại cấp xã.	25.000 đồng/ngày thực học/người.
k	Hỗ trợ tiền tàu xe đi lại đối với người học xa nơi cư trú từ 15 km trở lên:	
	- Đối với những nơi có phương tiện giao thông công cộng.	Mức hỗ trợ theo giá vé giao thông công cộng nhưng mức tối đa không quá 200.000 đồng/người/khóa học
	- Đối với những nơi không có phương tiện giao thông công cộng.	Hỗ trợ theo mức khoán nhưng tối đa không quá 150.000 đồng/người/khóa học.
l	Chi khai giảng, bế giảng, in chứng nhận, tiền thuốc y tế cho lớp học, khen thưởng	Tối đa không quá 3.000.000 đồng/khóa học/lớp.

Handwritten mark